

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18/01/2019

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

" Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con"

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ – TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Ông Cao Danh Nhân

+ *Các Hội thẩm nhân dân* : Bà Lù Thị Chính và ông Phạm Văn Thích

Thư ký phiên tòa: bà Vương Thị Minh Khuê – Thư ký tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị My Huyền- Kiểm sát viên.

Hồi 8 giờ 30'gày 18 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2018/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N; SN: 1994; dân tộc: Nùng.

Địa chỉ: Thôn P. Xã C, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

Bị đơn: Anh Xin Văn B; SN:1993; dân tộc: Nùng.

Địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án và nội dung trình bày tại phiên tòa hôm nay. Chị Hoàng Thị N là nguyên đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị ở thôn P, xã C còn anh Xin Văn B ở thôn V, xã C quen nhau từ năm 2011, sau thời gian tìm hiểu nên quyết định lấy nhau thành vợ chồng, được hai gia đình tổ chức lễ cưới và UBND xã C đăng ký kết hôn vào ngày 23/01/2013. Việc kết hôn là tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng về chung sống tại gia đình chồng ở thôn V, xã C, huyện Hoàng Su Phì đến năm 2016 thì được gia đình cho ra ở riêng. Vợ chồng ban đầu có thời gian chung sống hạnh phúc, sau đó trong thời gian ở chung với gia đình chồng và thời gian ở riêng cũng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B và chị tính cách không hợp nhau, bất đồng thường xuyên xảy ra, thậm trí anh B nhiều lần uống rượu về chửi, đánh chị, sau đó có nhận ra lỗi lầm, xin lỗi chị nhưng sau đó lại tái diễn, ngoài ra trong thời gian dài chung sống vợ chồng không có con chung nên vợ chồng cũng không có tình cảm. Khi xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên đã

khuyến bảo, hoà giải nhưng không có kết quả. Đến tháng 6/2018 anh B có uống rượu về đánh chị gây thương tích, đuổi chị ra khỏi nhà, do đó chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã C, vợ chồng sống ly thân.

Về con chung: Vợ chồng không sinh được con chung, có làm thủ tục nhận con nuôi là cháu Xin Thị Ng; SN: 18/12/2017 (cháu Ng là con của chị gái ruột chị), hiện nay chị đang nuôi cháu, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Về tài sản chung: Vợ chồng có một sô thóc, gà, lợn, ngôi nhà gỗ bố mẹ chồng dựng cho, do anh B không chia, chị cũng nhất trí không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ chung: Không có, không đề nghị.

Tại phiên toà hôm nay chị thấy mâu thuẫn đã kéo dài, không thể hàn gắn được, chị giữ nguyên quan điểm của mình đề nghị được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên toà hôm nay anh Xin Văn B trình bày ý kiến như sau:

Anh và chị N tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2013, có được chia gia đình tổ chức lễ cưới và chị N và anh cùng chung sống với bố mẹ chồng đến năm 2016 được ra ở riêng. Trong quá trình chung sống khi ở chung cũng có cãi chửi nhau, khi ra ở riêng thì cãi chửi nhau nhiều hơn, thậm trí có lúc còn đánh nhau. Nguyên nhân do anh có đi uống rượu về nói chị thì chị cũng nói lại anh nhiều hơn, do không kiềm chế được anh có đánh chị N, có lần bị thương phải đi ra viện lấy thuốc điều trị. Đến tháng 6/2018 khi mâu thuẫn anh có đánh chị, chị N cũng đánh lại anh, sau đó chị có chuẩn bị đồ đạc bỏ về thì anh không cho về, sau đó thấy sai anh có xin lỗi nhưng không được chị chấp nhận, chị đã cùng con nuôi bỏ về nhà bên ngoại, từ đó vợ chồng không ở cùng nhau. Nguyên nhân chủ yếu do anh và chị N không hợp nhau, anh thừa nhận có uống rượu về đánh chửi chị từ đó vợ chồng cãi chửi nhau, xảy ra xô xát dẫn đến không còn chung sống. Sau khi hoà giải tại toà án chị N cũng không về chung sống cùng anh. Hiện nay anh đề nghị vợ chồng quay lại để chung sống đoàn tụ, nếu chị N cương quyết ly hôn thì anh không nhất trí

Về con chung: Vợ chồng không có con đẻ, có nhận cháu Xin Thị Ng; SN: 18/12/2017 về làm con nuôi hiện nay chị N đang nuôi cháu, vì không ly hôn nên anh cũng có ý kiến về con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có ngôi nhà gỗ bố mẹ anh cho, ngoài ra còn có mấy bao thóc, 01 con lợn, gà, chị N bỏ đi anh có đi làm thuê nhờ người trong gia đình nuôi hộ. Vì không nhất trí ly hôn nên anh không đề nghị và không nhất trí chia tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì có ý kiến về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên toà và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện: xét thấy chị N và anh B có đăng ký kết hôn theo qui định. sau thời gian chung sống có uống rượu say, có cãi chửi nhau và xảy ra xô

xát, mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay đã sống ly thân, do vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016 của Quốc Hội. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình, để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, về án phí phải chịu theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Hoàng Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Xin Văn B đều có nơi cư trú tại huyện Hoàng Su Phì. TAND huyện Hoàng Su Phì thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền qui định.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Xin Văn B và chị Hoàng Thị N là hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 01 năm 2013 tại UBND xã C trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ và đủ các điều kiện theo qui định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng hầu như không có thời gian chung sống hạnh phúc, từ năm 2016 thì bắt đầu có mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do tính cách không hoà hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng, nhường nhịn lẫn nhau, đôi khi anh B còn uống rượu say có cách ứng xử không đúng với chị N dẫn đến mâu thuẫn càng trầm trọng, xúc phạm, cãi chửi nhau, thậm trí còn xảy ra xô xát. Về con chung không có nên tình cảm vợ chồng không được gắn bó, trách nhiệm với nhau, vợ chồng đã sống ly thân. Các chứng cứ, tài liệu thu thập được tại nơi cư trú đều xác nhận vợ chồng đã có mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, cuộc sống không có hạnh phúc. Đến thời điểm này mục đích hôn nhân không đạt, do vậy có đủ căn cứ để giải quyết cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Xin Văn B theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng nhận con nuôi là con chung, đến nay được hơn 1 tuổi thấy rằng cần giao cháu Xin Thị Ng; SN: 18/12/2017 cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với qui định, về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung : Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1.Căn cứ vào: Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

2.Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị N, cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Xin Văn B.

- Về người nuôi con: Giao cháu Xin Thị Ng; SN: 18/12/2017 cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ tuổi thành niên, anh B chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm non con, không ai được cản trở, vì quyền lợi của con chung một trong hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo qui định của luật Hôn nhân và gia đình .

- Về án phí : Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì theo biên lai số 04160, ngày 07 tháng 12 năm 2018. Xác nhận chị N đã nộp đủ.

Phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện HSP;
- THADS huyện HSP;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Cao Danh Nhân